

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

\*\*\*\*\*



**BÀI VIẾT**

**PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG RAU CŨ**  
**THÁNG 12 VÀ 12 THÁNG NĂM 2024**

(Thực hiện nhiệm vụ “Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước” năm 2024)

## MỤC LỤC

I. NGUỒN CUNG .....	2
1. Tình hình sản xuất rau củ .....	2
2. Tình hình nhập khẩu .....	2
II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ .....	6
III. DỰ BÁO, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ .....	10

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Kim ngạch nhập khẩu rau củ tháng 11 và 11 tháng năm 2024, phân theo chủng loại	2
Bảng 2: Kim ngạch nhập khẩu rau củ tháng 11 và 11 tháng năm 2024, phân theo thị trường	4
Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu rau củ tháng 11 và 11 tháng năm 2024, phân theo chủng loại	7
Bảng 4: Kim ngạch xuất khẩu rau củ tháng 11 và 11 tháng năm 2024, phân theo thị trường	9

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: So sánh cơ cấu mặt hàng rau củ nhập khẩu của Việt Nam .....	4
Biểu đồ 2: So sánh cơ cấu thị trường nhập khẩu rau củ của Việt Nam .....	6
Biểu đồ 3: So sánh cơ cấu mặt hàng rau củ xuất khẩu của Việt Nam .....	8
Biểu đồ 4: So sánh cơ cấu thị trường xuất khẩu rau củ của Việt Nam .....	9

# PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU MẶT HÀNG RAU CỦ VÀ DỰ BÁO

(Tháng 12 và 12 tháng năm 2024)

## I. NGUỒN CUNG

### 1. Tình hình sản xuất rau củ

Diện tích và sản lượng rau củ cả nước năm 2024 tăng đáng kể khi sản xuất ước đạt 1,03 triệu ha, tăng khoảng 30.000 ha so với năm 2023; sản lượng dự kiến đạt 19,7 triệu tấn, cao hơn năm 2023 khoảng 624.000 tấn.

Các vùng có diện tích trồng rau lớn trên cả nước là Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam bộ và Bắc Trung bộ.

### 2. Tình hình nhập khẩu

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 11/2024, kim ngạch nhập khẩu rau củ cả nước đạt 58,4 triệu USD, giảm 7,8% so với tháng 10/2024. Tính chung 11 tháng năm 2024, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này đạt 601,2 triệu USD, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 32,5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu rau quả cả nước.

Trong đó, tỏi là mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất với 12,4 triệu USD, tăng 3,9% so với tháng 10/2024; lũy kế 11 tháng năm 2024 đạt 133,7 triệu USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 22,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu rau.

Xếp vị trí thứ hai là mặt hàng đậu các loại với 11,1 triệu USD, giảm 20,8% so với tháng trước đó; lũy kế 11 tháng năm 2024 đạt 158,9 triệu USD, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 26,4%.

Cơ cấu chủng loại rau củ nhập khẩu của Việt Nam có sự thay đổi khi tỷ trọng của mặt hàng đậu các loại và tỏi tăng nhẹ. Trong khi thị phần nhập khẩu mặt hàng cà rốt và nấm giảm nhẹ.

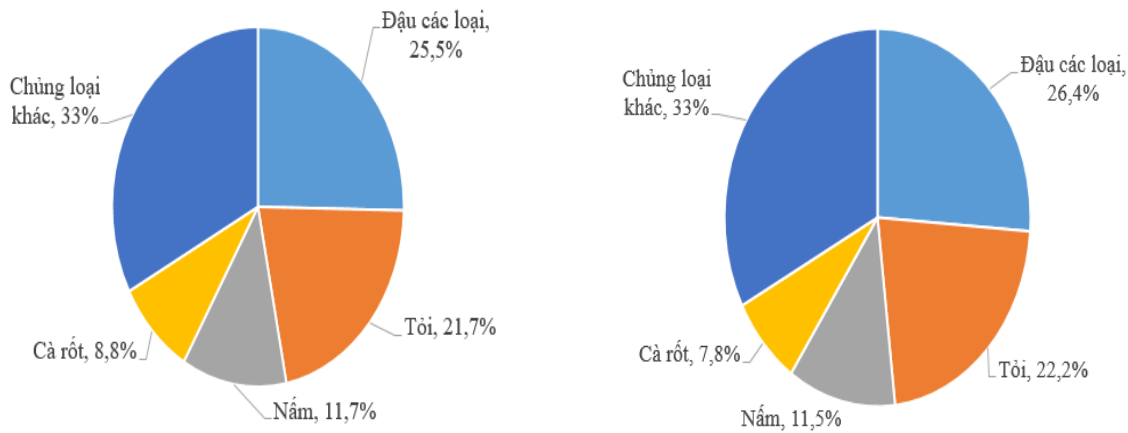
**Bảng 1: Kim ngạch nhập khẩu rau củ tháng 11 và 11 tháng năm 2024, phân theo chủng loại**

Chủng loại	T11/2024 (Nghìn USD)	T11/2024 so với T10/2024 (%)	T11/2024 so với T11/2023 (%)	11T/2024 (Nghìn USD)	11T/2024 so với 11T/2023 (%)
Tỏi	12.460,7	3,9	-0,9	133.763,2	4,1
Đậu các loại	11.151,9	-20,8	-11,1	158.975,0	5,3

<b>Chủng loại</b>	<b>T11/2024 (Nghìn USD)</b>	<b>T11/2024 so với T10/2024 (%)</b>	<b>T11/2024 so với T11/2023 (%)</b>	<b>11T/2024 (Nghìn USD)</b>	<b>11T/2024 so với 11T/2023 (%)</b>
Nấm	7.694,6	16,6	6,0	68.862,7	-0,5
Cà rốt	6.872,7	-2,4	2,2	46.980,3	-10,1
Khoai tây	3.850,2	-43,9	3,9	36.861,3	5,0
Hành tây	3.590,3	-4,3	-9,0	32.725,3	-18,8
Mộc nhĩ	2.080,4	15,4	85,6	17.915,2	17,4
Bắp cải	1.771,2	1,1	15,6	17.292,2	23,3
Cải thảo	1.632,8	-13,9	74,1	18.803,2	44,1
Hành củ	1.538,1	11,5	-55,3	13.997,2	-46,1
Súp lơ	1.043,6	28,8	36,3	12.317,0	22,3
Xà lách	735,6	-12,8	78,1	7.628,2	68,9
Cà chua	667,8	24,2	-20,9	4.856,7	-16,6
Ớt	618,7	-43,7	-1,8	5.604,2	10,5
Ngô	442,2	85,6	95,5	1.566,9	579,3
Củ kiệu	367,4	152,8	-10,9	1.050,7	-18,4
Măng tre	334,1	-43,1	32,5	2.548,0	25,6
Củ cải	295,7	-61,1	-17,1	3.702,9	10,7

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

**Biểu đồ 1: So sánh cơ cấu mặt hàng rau củ nhập khẩu của Việt Nam  
11T/2023 11T/2024**



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

*+ Thị trường nhập khẩu*

Trong 11 tháng năm 2024, Trung Quốc là thị trường cung cấp rau củ lớn nhất cho Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này ước đạt hơn 411,2 triệu USD, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 68,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu rau củ của cả nước.

Đứng thứ hai là thị trường Myanmar đạt 103,2 triệu USD, tăng 26,8% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 17,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu rau củ của cả nước. Tiếp đến là thị trường Úc ước đạt 24,8 triệu USD, tăng 101,1% so cùng kỳ 2023, chiếm 4,1% trong tổng kim ngạch.

Cơ cấu thị trường nhập khẩu rau củ của Việt Nam có sự thay đổi khi tỷ trọng của thị trường Trung Quốc, Myanmar, Úc tăng; Trong khi thị phần từ thị trường Ấn Độ giảm nhẹ.

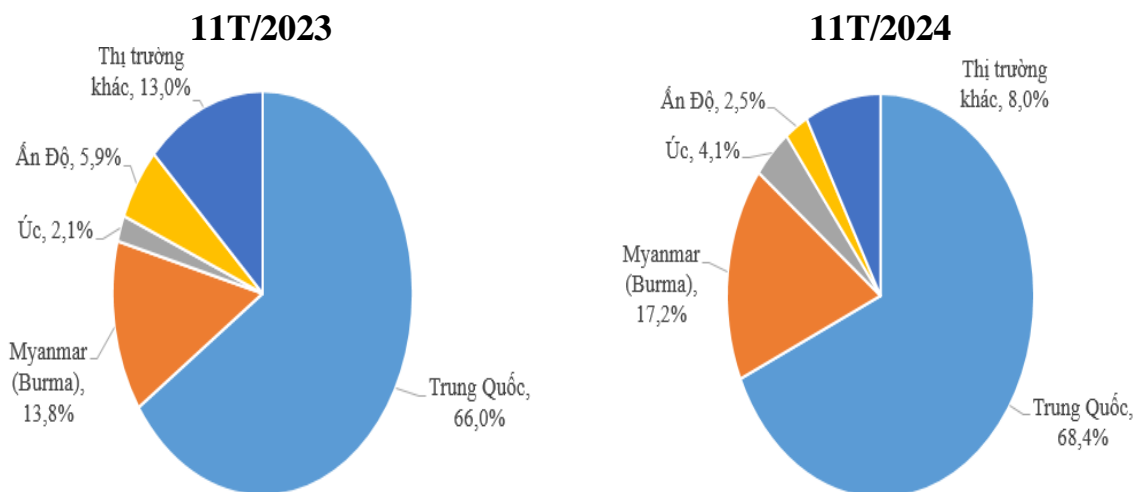
**Bảng 2: Kim ngạch nhập khẩu rau củ tháng 11 và 11 tháng năm 2024, phân theo thị trường**

Thị trường	T11/2024 (Nghìn USD)	T11/2024 so với T10/2024 (%)	T11/2024 so với T11/2023 (%)	11T/2024 (Nghìn USD)	11T/2024 so với 11T/2023 (%)
Trung Quốc	43.210,5	-6,3	7,3	411.225,4	5,3
Myanmar	7.747,6	-15,8	-0,5	103.281,4	26,8

<b>Thị trường</b>	<b>T11/2024 (Nghìn USD)</b>	<b>T11/2024 so với T10/2024 (%)</b>	<b>T11/2024 so với T11/2023 (%)</b>	<b>11T/2024 (Nghìn USD)</b>	<b>11T/2024 so với 11T/2023 (%)</b>
Úc	1.991,6	6,6	5,8	24.899,5	101,1
Ấn Độ	1.328,3	10,6	-56,2	15.201,4	-56,5
Đức	595,1	-16,6	152,0	1.532,0	8,7
Nhật Bản	469,1	72,2	12,0	2.032,2	0,7
Hà Lan	441,9	1.441,8	-2,9	704,0	2,5
Hoa Kỳ	378,0	-22,5	150,5	2.718,7	3,7
Indonesia	357,2	319,4	-41,8	923,8	-35,4
Singapore	349,8	-75,6	32,5	9.365,1	14,1
Thái Lan	316,7	-31,2	0,3	8.257,7	57,7
Hàn Quốc	271,8	-50,0	-40,7	3.343,4	-22,7
Canada	185,3	-28,9	-19,4	1.870,3	-13,9
Campuchia	153,0	0	-83,5	6.086,0	-67,1
Anh	100,7	4.729,5	11,3	111,1	-20,1
Nga	79,2	60,5	0	914,4	303,2

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

**Biểu đồ 2: So sánh cơ cấu thị trường nhập khẩu rau củ của Việt Nam**



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

## II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ

Về xuất khẩu, tháng 11/2024, kim ngạch xuất khẩu rau củ đạt 22,4 triệu USD, tăng 10,0% so với tháng 10/2024 nhưng tăng 25,3% so với tháng 11/2023. Tính chung 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đạt 276,2 triệu USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 5,1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả nước.

Trong đó, ớt là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất với 5,2 triệu USD, tăng 5,2% so với tháng 10/2024; lũy kế 11 tháng năm 2024 đạt 64,4 triệu USD, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 23,3% trong tổng xuất khẩu rau củ cả nước.

Tiếp theo là khoai lang với 2,8 triệu USD, tăng 2,7% so với tháng trước; lũy kế 11 tháng năm 2024 đạt 35,7 triệu USD, tăng 39,9% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 12,9%.

Xuất khẩu đậu các loại đạt 1,7 triệu USD, tăng 7,9% so với tháng 10/2024; lũy kế 11 tháng năm 2024 đạt 26,1 triệu USD, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 9,5% xuất khẩu rau củ cả nước.

Tính chung 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu một số chủng loại rau củ của cả nước tăng trưởng với mức tăng từ 2 đến 3 con số so với cùng kỳ năm trước như: ngô (tăng 247,7%), tỏi (tăng 161,6%), xà lách (tăng 96,0%), khoai mỡ (tăng 81,1%)... Trong khi, xuất khẩu hành tây, nấm các loại, súp lơ... giảm so với cùng kỳ năm trước.

**Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu rau củ tháng 11 và 11 tháng năm 2024, phân theo chủng loại**

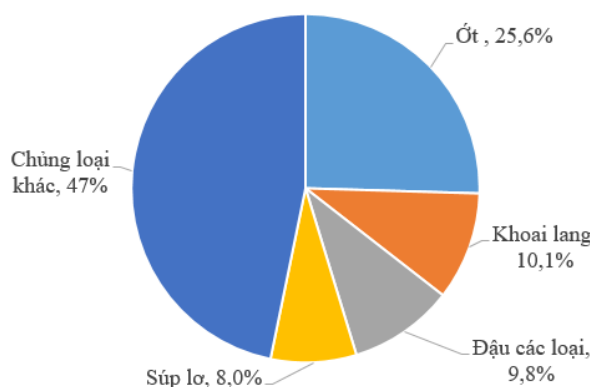
<b>Chủng loại</b>	<b>T11/2024 (Nghìn USD)</b>	<b>T11/2024 so với T10/2024 (%)</b>	<b>T11/2024 so với T11/2023 (%)</b>	<b>11T/2024 (Nghìn USD)</b>	<b>11T/2024 so với 11T/2023 (%)</b>
Ớt	5.283,4	25,2	23,7	64.465,8	-0,3
Khoai lang	2.819,7	2,7	31,6	35.712,0	39,9
Đậu các loại	1.799,2	7,9	12,1	26.172,1	5,1
Ngô	1.543,0	15,9	272,7	11.099,1	247,7
Tỏi	1.495,7	74,9	113,5	11.289,4	161,6
Nấm các loại	1.101,6	114,5	53,1	9.961,7	-4,1
Súp lơ	1.035,6	-18,2	44,9	18.497,6	-8,1
Măng	935,1	36,3	53,7	6.709,8	34,0
Cải thảo	749,3	-37,9	8,1	14.661,1	32,2
Hành tây	625,1	-50,2	-21,9	5.257,2	-32,4
Sả	458,6	198,9	202,5	2.230,6	5,9
Khoai môn	411,5	83,0	0,3	4.171,3	-5,9
Xà lách	362,6	7,4	242,4	4.300,4	96,0
Hành củ	327,2	5,8	-10,9	3.524,0	7,8
Bí	307,2	-4,8	58,0	3.644,6	-3,0
Mộc nhĩ	305,6	130,1	111,2	2.382,4	11,8
Khoai tây	286,4	34,1	26,5	3.000,6	6,5
Bắp cải	283,8	29,0	87,1	6.858,9	27,6
Khoai mỡ	213,8	-43,1	47,2	3.006,0	81,1

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

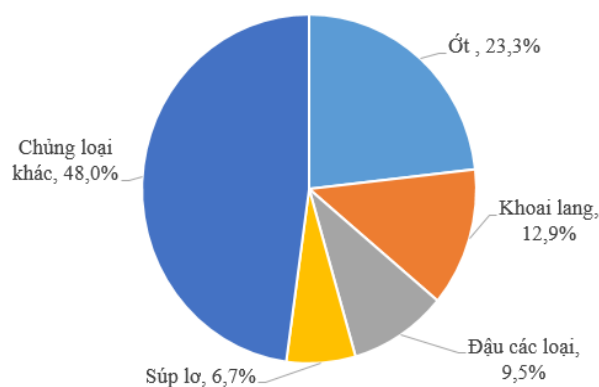


### Biểu đồ 3: So sánh cơ cấu mặt hàng rau củ xuất khẩu của Việt Nam

11T/2023



11T/2024



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Trong tháng 11/2024, Đài Loan là thị trường tiêu thụ rau củ lớn nhất của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt 5,1 triệu USD, giảm 11,4% so với tháng 10/2024. Tính chung 11 tháng năm 2024 đạt hơn 73,2 triệu USD, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 26,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau củ của cả nước.

Đứng thứ hai là thị trường Nhật Bản đạt 3,6 triệu USD, tăng 5,8% so với tháng 10/2024; lũy kế 11 tháng năm 2024 đạt 40,5 triệu USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ 2023, chiếm 14,7% trong tổng kim ngạch.

Tiếp đến là thị trường Hàn Quốc đạt 2,8 triệu USD, tăng 34,4% so với tháng 10/2024; lũy kế 11 tháng năm 2024 đạt 33,4 triệu USD, tăng 7,3% so cùng kỳ 2023, chiếm 12,1% trong tổng kim ngạch.

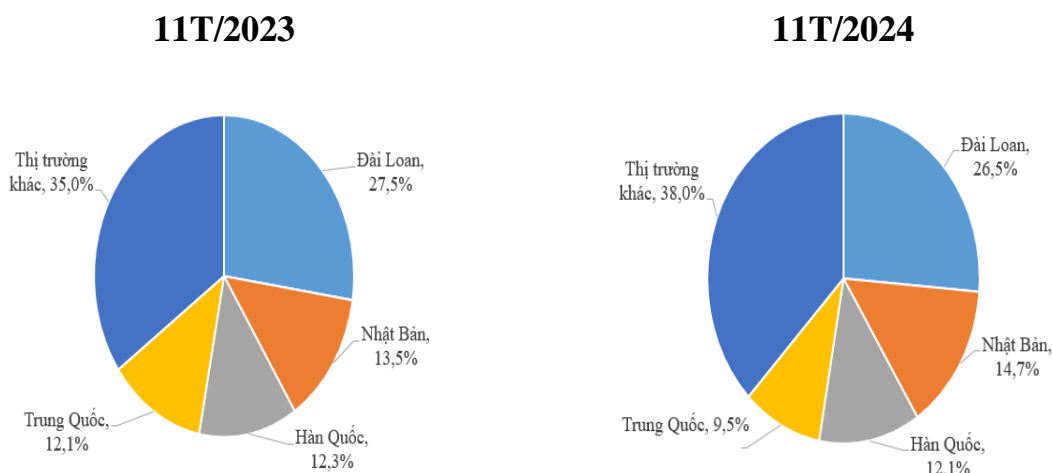
Cơ cấu thị trường xuất khẩu rau củ của Việt Nam có sự thay đổi khi tỷ trọng của thị trường Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc giảm; Trong khi thị phần từ thị trường Nhật Bản tăng nhẹ.

**Bảng 4: Kim ngạch xuất khẩu rau củ tháng 11 và 11 tháng năm 2024, phân theo thị trường**

Thị trường	T11/2024 (Nghìn USD)	T11/2024 so với T10/2024 (%)	T11/2024 so với T11/2023 (%)	11T/2024 (Nghìn USD)	11T/2024 so với 11T/2023 (%)
Đài Loan	9.022,9	55,0	112,2	77.120,9	10,9
Nhật Bản	3.525,2	1,3	10,1	40.374,9	18,4
Hàn Quốc	1.856,6	-13,7	-17,9	32.456,1	3,9
Hoa Kỳ	1.483,9	0,8	17,9	18.274,4	19,3
Singapore	1.458,7	-3,6	-30,5	17.577,4	-5,1
Trung Quốc	1.265,7	195,5	229,7	27.268,2	-10,6
Thái Lan	589,1	29,3	10,3	6.355,1	-6,5
Campuchia	559,7	7,7	-13,7	8.106,9	11,3
Malaixia	453,8	-58,3	10,7	9.943,2	17,0
Úc	375,2	14,8	79,0	3.597,8	17,1
Canada	364,5	-0,5	46,6	3.866,7	16,3
Bỉ	243,2	58,5	-28,9	2.367,4	-1,6

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

**Biểu đồ 4: So sánh cơ cấu thị trường xuất khẩu rau củ của Việt Nam**



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

### **III. DỰ BÁO, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Hoạt động xuất khẩu rau củ của Việt Nam sẽ tiếp tục thuận lợi trong thời gian tới nhờ nguồn cung nội địa dồi dào và nhu cầu ngày càng tăng từ các thị trường truyền thống.

Thời gian tới, các doanh nghiệp cần chú trọng đến việc nắm bắt thị hiếu tiêu dùng tại các thị trường lớn. Đối với thị trường Trung Quốc, do mùa đông ở phía Bắc Trung Quốc rất lạnh và khắc nghiệt nên việc sản xuất rau củ gặp khó khăn. Thời điểm này, nguồn cung rau củ từ châu Âu, Nhật Bản, Nga... cũng khan hiếm. Trong khi đó, điều kiện khí hậu ở Việt Nam lại có thể thuận lợi sản xuất rau màu vụ Đông, nhất là tại miền Bắc. Vì vậy, khi xuất khẩu chính ngạch, sản xuất rau vụ Đông của Việt Nam sẽ giảm rủi ro và thu được lợi nhuận cao hơn. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng tiêu thụ rất nhiều thực phẩm chế biến và các thương nhân Trung Quốc cũng nắm giữ hệ thống phân phối thực phẩm lớn nhất. Đây là lợi thế khi Việt Nam hợp tác, liên kết từ đó mở đường cho rau củ xuất chính ngạch sang thị trường này.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp và nông dân vẫn phải tuân thủ về vùng trồng, cơ sở đóng gói, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật, đáp ứng toàn bộ hàng rào kỹ thuật. Đơn cử, hàng rau củ xuất khẩu của Việt Nam phải có mã số vùng trồng do Hải quan Trung Quốc (GACC) kiểm tra cấp. Các cơ sở chế biến, đóng gói cũng phải đăng ký xin mã số của Hải quan Trung Quốc cấp sau khi kiểm tra nghiêm ngặt...